

3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa		
Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa nêu trong E-HSDT	Tất cả các danh mục hàng hóa phải chào nguồn gốc xuất xứ ở Mẫu số 10B. (webform trên Hệ thống) Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu đáp ứng quy định tại Mục 1.2 Chương V của E-HSMT.	Đạt
	Có ít nhất 1 danh mục hàng hóa trong E-HSDT không chào xuất xứ.	Không đạt
2. Phạm vi cung cấp		
Phạm vi cung cấp hàng hóa	Đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp thuộc Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và	Đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	dự thầu.	
	Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp thuộc Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.	Không đạt
3. Yêu cầu về kỹ thuật		
Các yêu cầu về kỹ mã hiệu, nhãn hiệu, thông số kỹ thuật, hãng sản xuất	Nhà thầu chào ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật của tất cả danh mục hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại tiểu mục 1.2. và 1.3 Chương V trong E-HSMT.	Đạt
	Nhà thầu chào ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu tại tiểu mục 1.2. và 1.3 Chương V trong E-HSMT.	Không đạt
4. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa	Có bảng chào tiến độ giao hàng tất cả các mục hàng hóa đáp ứng Bảng yêu cầu kỹ thuật, tiến độ cung cấp hàng hóa tại tiểu mục 1.3. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể Chương V trong E-HSMT	Đạt
	Không có bảng chào tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu như trên	Không đạt
5. Các cam kết của Nhà thầu		
Cam kết cung cấp tài liệu kỹ thuật và chứng chỉ về xuất xứ (CO), chứng chỉ về chất lượng (CQ) / chứng chỉ phân tích (COA)	Nhà thầu phải có văn bản cam kết/ đề xuất cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật (nếu có yêu cầu), Chứng chỉ về xuất xứ (CO), Chứng chỉ về chất lượng (CQ)/ chứng chỉ phân tích (COA) và các tài liệu liên quan khác (nếu có) đối với các mục hàng yêu cầu kèm theo hàng hóa khi giao hàng đáp ứng Bảng yêu cầu kỹ thuật, tiến độ cung cấp hàng hóa tại tiểu mục 1.3. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể Chương V trong E-HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có văn bản cam kết/ đề xuất cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật (nếu có yêu cầu), Chứng chỉ về xuất xứ (CO), Chứng chỉ về chất lượng (CQ) / chứng chỉ phân tích (COA) và các tài liệu liên quan khác (nếu có) kèm theo hàng hóa khi giao hàng hoặc có cam kết/ đề xuất nhưng không đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu như trên (kể cả sau khi đã làm rõ)	Không đạt
6. Bảo hành, dịch vụ sau bán hàng và đảm bảo về chất lượng		

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
Thời gian Bảo hành	Nhà thầu có cam kết/ đề xuất thời gian bảo hành hàng hóa cung cấp cụ thể như sau: Đối với hóa chất chuẩn/ hóa chất thí nghiệm (các mục hàng số 28; 31 ; 37 đến 120; 149 đến 182 được nêu tại mẫu số 01B- Phạm vi cung cấp thuộc chương IV-Biểu mẫu mời thầu và dự thầu) và đối với Bình khí hiệu chuẩn (các mục hàng số 122; 124 đến 127; 129 đến 148 được nêu tại mẫu số 01B- Phạm vi cung cấp thuộc chương IV-Biểu mẫu mời thầu và dự thầu): thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu chính thức.	Đạt
	Không có cam kết/đề xuất bảo hành hoặc có cam kết/đề xuất mà thời gian bảo hành hàng hóa không đáp ứng yêu cầu trên (kể cả sau khi đã làm rõ).	Không đạt
Đảm bảo về chất lượng	Nhà thầu phải có cam kết/đề xuất đảm bảo về chất lượng hàng hóa cung cấp theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất.	Đạt
	Không có cam kết/đề xuất hoặc có cam kết/đề xuất nhưng không đáp ứng quy định trên (kể cả sau khi đã làm rõ).	Không đạt
Thời hạn sử dụng của hàng hóa	Nhà thầu phải có cam kết/đề xuất Thời hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tại thời điểm nghiệm thu tối thiểu bằng ½ tổng thời hạn sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất	Đạt
	Không có cam kết/đề xuất nội dung trên hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả sau khi đã làm rõ).	Không đạt
7. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp		
Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Nhà thầu phải cung cấp (bản gốc hoặc bản sao công chứng) giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (cho các mục hàng NaOH; HCl; Lavasol 1; Lavasol 7; NaClO; NH ₃ khan; KOH; FeCl ₃ ; Clo; Hóa chất 2-propanol C ₃ H ₈ O (isopropanol); Khí Argon; Khí oxy, khí nitơ; Hỗn hợp khí SO ₂ +N ₂ ; Hỗn hợp khí O ₂ +N ₂ ; Hỗn hợp khí Cl ₂ +N ₂ ; Acid fomic; thuốc	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	thử TPTZ 2608799; Karl Fischer Calibrant WS1(H ₂ O 1mg/g)) do cơ quan có thẩm quyền cấp và còn hiệu lực	
	Nhà thầu không cung cấp (bản gốc hoặc bản sao công chứng) giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc cung cấp giấy chứng nhận nhưng đã hết hiệu lực (cho các mục hàng NaOH; HCl; Lavasol 1; Lavasol 7; NaClO; NH ₃ khan; KOH; FeCl ₃ ; Clo; Hóa chất 2-propanol C ₃ H ₈ O (isopropanol); Khí Argon; Khí oxy, khí nitơ; Hỗn hợp khí SO ₂ +N ₂ ; Hỗn hợp khí O ₂ +N ₂ ; Hỗn hợp khí Cl ₂ +N ₂ ; Acid fomic; thuốc thử TPTZ 2608799; Karl Fischer Calibrant WS1(H ₂ O 1mg/g))	Không đạt
8. Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp		
	Nhà thầu phải cung cấp (bản gốc hoặc bản sao công chứng) giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp và còn hiệu lực (cho các mục hàng hydrazine; Methanol; Thuốc thử Nessler; Hóa chất ZincoVer 5 Reagent Powder Pillows; HYDRANAL® - Coulomat AG; Hóa chất NitraVer 5 21061-69; Karl Fischer electrolyte A K3035; Hỗn hợp khí CO+CO ₂ ; Hóa chất COD từ 3 đến 150mg/l).	Đạt
Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp	Nhà thầu không cung cấp (bản gốc hoặc bản sao công chứng) giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc cung cấp giấy phép nhưng hết hiệu lực (cho các mục hàng hydrazine; Methanol; Thuốc thử Nessler; Hóa chất ZincoVer 5 Reagent Powder Pillows; HYDRANAL® - Coulomat AG; Hóa chất NitraVer 5 21061-69; Karl Fischer electrolyte A K3035; Hỗn hợp khí CO+CO ₂ ; Hóa chất COD từ 3 đến 150mg/l).	Không đạt
9. Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm		

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
9.1. Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	<p>Có giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (bản gốc hoặc bản sao công chứng) do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực đối với một số hàng hóa được cho là nguy hiểm như: HCl, NaOH, Khí clo hóa lỏng, NH₃ hóa lỏng, KOH, FeCl₃, NH₄OH, hydrazine.</p> <p>(Nhà thầu phải cung cấp hồ sơ để chứng minh giấy phép vận chuyển của Nhà thầu hoặc đi thuê để vận chuyển (hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cho thuê; các giấy tờ khác để chứng minh). Trường hợp các giấy phép mà nhà thầu kê khai và cung cấp hồ sơ chứng minh không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi giấy phép không đáp ứng, Nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp Nhà thầu không có giấy phép thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại.)</p>	Đạt
	<p>Nhà thầu không có giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ (bản gốc hoặc bản sao công chứng) đối với một số hàng hóa được cho là nguy hiểm như: HCl, NaOH, Khí clo hóa lỏng, NH₃ hóa lỏng, KOH, FeCl₃, NH₄OH, hydrazine hoặc có giấy phép nhưng đã hết hiệu lực.</p>	Không đạt
9.2. Năng lực vận chuyển	<p>Nhà thầu cung cấp hồ sơ chứng minh năng lực vận chuyển đáp ứng yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tối thiểu 01 xe chở khí Cl₂ lỏng: Trọng tải tối thiểu 20 tấn/xe. + Tối thiểu 01 xe chở khí NH₃ hóa lỏng: Trọng tải tối thiểu 20 tấn/xe. + Tối thiểu 01 xe bồn chuyên dụng chở HCl: Trọng tải tối thiểu 20 tấn/xe, bồn chứa đã được kiểm định/kiểm tra kỹ thuật an toàn còn hiệu lực. + Tối thiểu 01 xe bồn chuyên dụng chở NaOH: Trọng tải tối thiểu 20 tấn/xe, bồn chứa đã được kiểm định/kiểm tra kỹ thuật an toàn còn hiệu lực. <p>(Nhà thầu phải cung cấp hồ sơ để chứng minh các xe chuyên dụng thuộc sở hữu của Nhà thầu (giấy đăng ký hoặc hóa đơn hoặc hợp đồng mua,...) hoặc</p>	Đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	đi thuê (hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cho thuê/ các giấy tờ khác để chứng minh khả năng huy động đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư). Trường hợp các xe chuyên dụng mà nhà thầu kê khai và cung cấp hồ sơ chứng minh không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung xe chuyên dụng để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi xe chuyên dụng không đáp ứng, Nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp Nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại.)	
	Nhà thầu ko cung cấp hồ sơ chứng minh đáp ứng yêu cầu trên hoặc có cung cấp hồ sơ nhưng không đáp ứng yêu cầu trên (kể cả sau khi đã làm rõ)	Không đạt
Kết luận	Đạt tất cả nội dung trên	Đạt
	Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.